

Bản án số: 28/2024/HNGĐ - ST

Ngày 27/9/2024

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình
có yếu tố nước ngoài”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Đào Bích và ông Nguyễn Văn Sảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2024/TLST – HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị La Thị H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Tân L, xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Bị đơn:** Anh Ma Đức T, sinh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: Thôn Tân L, xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q; Hiện đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản (không rõ địa chỉ cụ thể) – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị La Thị H trình bày:

Chị và anh Ma Đức T, sinh năm 1983, địa chỉ Thôn Tân L, xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q, có đăng ký kết hôn số 67/2012 do UBND xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q cấp ngày 15/11/2012. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận. Đến đầu năm 2018 chị H xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, cuối năm 2018 anh T cũng qua Nhật Bản lao động, anh chị vẫn thường liên lạc và gặp nhau. Nhưng đến năm 2020 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2021. Năm 2022 chị H về Việt Nam, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Đức T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Ma Thị Phương Th, sinh ngày 25/9/2012 và cháu Ma Đức A, sinh ngày 22/5/2014, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Ma Đức T hiện đang ở nước ngoài:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Ma Đức T thông qua chị Ma Thị Ng, sinh năm 1981; địa chỉ xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q (chị gái ruột của anh T).

Chị Ng có ý kiến trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì. Đến đầu năm 2018 chị H xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, cuối năm 2018 anh T cũng qua Nhật Bản lao động, anh chị xảy ra mâu thuẫn do khoảng cách địa lý, vợ chồng không tin tưởng nhau. Khi biết xảy ra mâu thuẫn gia đình cũng có khuyên ngăn hòa giải nhưng không được. Năm 2022 chị H về Việt Nam, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được. Trong thời gian lao động ở nước ngoài anh T vẫn thường xuyên gọi về cho chị Ng để hỏi thăm công việc, tình hình sức khỏe của mọi người và tình hình học tập của các con. Chị Ng cam đoan sẽ nhận các giấy tờ, văn bản của Tòa án gửi đến và thông báo sớm nhất đến anh T bằng cách chụp ảnh gửi qua messenger.

Về con chung: anh T và chị H có hai (02) con chung là cháu Ma Thị Phương Th, sinh ngày 25/9/2012 và cháu Ma Đức A, sinh ngày 22/5/2014. Cháu Th sống cùng với chị Ma Thị L (chị gái ruột anh T) ở Than U, Lai C. Cháu A ở cùng chị H ở thôn Nà M, xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q.

Về tài sản chung, vay nợ chung: anh T và chị H tự thỏa thuận như nào chị Ng không nắm được.

Do anh Ma Đức T đang ở nước ngoài và chị La Thị H không yêu cầu hòa giải, nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Anh Ma Đức T đã được người thân trong gia đình thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh Ma Đức T theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận cuộc sống vợ chồng của chị La Thị H và anh Ma Đức T không có hạnh phúc, đã sống ly thân nhiều năm, hiện anh T đang ở nước ngoài không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 273;

điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị La Thị H. Về con chung: Chị H đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là con cháu Hiếu, còn cháu Th đang ở Than U, Lai C cùng với chị Ma Thị L (chị gái ruột anh T). Nhưng hiện anh T đang ở nước ngoài, vì vậy đề nghị giao con chung là cháu Ma Thị Phương Th và cháu Ma Đức A cho chị H trực tiếp nuôi là phù hợp với pháp luật cũng như thực tế. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H tự nguyện có trách nhiệm nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và về vay nợ chung: Chị H không đề nghị giải quyết. Chị La Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị La Thị H và anh Ma Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2012, tại Ủy ban nhân dân xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Ngày 19/7/2024, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang có công văn số 781/PA08 – Đ1 về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân nội dung “Ma Đức T, sinh ngày 15/10/1983, đã được cấp hộ chiếu số C3307006. Ngày 17/5/2018 Ma Đức T xuất cảnh ra nước ngoài vào hồi 18:22:54 tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài (không có địa chỉ nơi đến)”. Như vậy qua thu thập thông tin, tài liệu mới xác định anh Ma Đức T hiện đang ở nước ngoài. Căn cứ Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Ma Đức T hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể, gia đình anh T xác nhận anh vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình tuy nhiên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Ma Đức T thông qua chị gái ruột của anh T. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án xét xử vắng mặt anh Ma Đức T là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị La Thị H :

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị La Thị H phù hợp với ý kiến trình bày của chị gái ruột anh T và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị H và anh T có mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, hiện chị H và anh T ở một nước khác nhau, không còn quan tâm tới nhau, đã sống ly thân nhiều năm. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự không còn yêu thương nhau, không cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng

đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị La Thị H.

[3.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị H và anh Ma Đức T có hai con chung là cháu Ma Thị Phương Th, sinh ngày 25/09/2012 và cháu Ma Đức A, sinh ngày 22/5/2014. Hiện nay cháu Th đang sinh sống cùng với chị Ma Thị L, sinh năm 1979 (chị gái ruột anh T) tại Than U, Lai C. Cháu A hiện đang sống cùng với chị H tại thôn Nà M, xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con, không đề nghị anh T cấp dưỡng nên để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu Th, cháu A và nguyện vọng về việc nuôi con của các đương sự cần giao cháu Ma Thị Phương Th và cháu Ma Đức A cho chị La Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Ma Đức T được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[3.3]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Theo lời khai chị La Thị H không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị La Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị La Thị H và anh Ma Đức T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 273; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị La Thị H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị La Thị H được ly hôn với anh Ma Đức T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2012 do Ủy ban nhân dân xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q cấp ngày 15/11/2012.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ma Thị Phương Th, sinh ngày 25/09/2012 và cháu Ma Đức A, sinh ngày 22/5/2014 cho chị La Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị La Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0000073 ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị La Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị La Thị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh Ma Đức T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang (khi có HLPL);
- UBND xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Hồng Thắng

